

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 26 tháng 9 năm 2018
“*V/v ly hôn giữa chị Lê Cao Thu T1
và anh Nguyễn Đăng T2*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Văn Thắng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Hồng Sơn**

2. Ông **Phan Trung Hiếu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ngọc Ánh** - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:
Ông **Hà Văn Bắc** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc “*Ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lê Cao Thu T1**, sinh năm 1980

ĐKKHKT: Ngõ H, phường C, quận H, Thành phố H; Hiện ở tại: đường B, phường K, quận T, Thành phố H; Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đăng T2**, sinh năm 1975

ĐKKHKT: Ngõ H, phường C, quận H, Thành phố H; Hiện đang thi hành án tại: Trại giam T; Địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh T; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2018, bản tự khai và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Cao Thu T1 trình bày:*

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Đăng T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 16/11/2001 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận H, Thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T2 có tình cảm và đã chung sống với người phụ nữ khác. Anh T2 không có trách nhiệm đối với việc nuôi dạy con cái. Vợ chồng không còn quan tâm, không còn trách nhiệm gì với nhau. Đến năm 2017 anh T2 bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nay do anh T2 phải đi chấp hành án một thời gian dài, chị không thể chờ đợi vì không còn tình cảm với anh T2 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2 để ổn định cuộc sống. Hiện nay T2 đang chấp hành án tại, Trại giam T; Địa chỉ: Xã C, huyện C, tỉnh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đăng D, sinh ngày

14/10/2003 và Nguyễn Chi M, sinh ngày 27/11/2009. Khi ly hôn chị T1 đề nghị được trực tiếp nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T2 đóng góp nuôi con. Chị T1 trình bày hiện chị đang làm việc tại Công ty TNHH Điện ảnh Hà Nội, thu nhập khoảng 4,5 triệu đồng/tháng, có nơi ở ổn định nên có thể đảm bảo điều kiện nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2018, bị đơn anh Nguyễn Đăng T2 trình bày:* Xác nhận thời gian kết hôn như chị T1 đã trình bày, xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2017 anh T2 bị Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nay chị T1 làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn, anh cũng nhất trí và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Anh T2 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đăng D, sinh ngày 14/10/2003 và Nguyễn Chi M, sinh ngày 27/11/2009. Nay anh T2 đang phải chấp hành án nên không thể nuôi con, anh T2 đồng ý để chị T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung. Nếu sau này anh được về và có điều kiện nuôi con, anh sẽ đề nghị sau.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T2 để ổn định cuộc sống và giữ nguyên quan điểm về các vấn đề khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Cụ thể: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, ủy thác thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về điều khiển phiên tòa; Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định, các quyền, nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đương sự, xử chị Lê Cao Thu T1 được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T2; Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Đăng D, sinh ngày 14/10/2003 và Nguyễn Chi M, sinh ngày 27/11/2009 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh T2; Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Xét thấy, ngày 23/8/2018 bị đơn anh Nguyễn Đăng T2 đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- *Về tình cảm:* Xét thấy chị Lê Cao Thu T1 và anh Nguyễn Đăng T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/11/2001 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận H, Thành phố H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân từ năm 2016. Đến ngày 08/7/2017 anh T2 phạm tội bị bắt và ngày 19/12/2017 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội đã xử phạt anh T2 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hiện nay anh T2 đang chấp hành án tại Trại giam T; Địa chỉ: Xã C, huyện C, tỉnh T. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, việc anh T2 phải đi chấp hành án trong một thời gian dài không đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau; cả hai đều xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị T1 với anh T2.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Đăng D, sinh ngày 14/10/2003 và Nguyễn Chi M, sinh ngày 27/11/2009. Khi ly hôn chị T1 đề nghị được trực tiếp nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T2 đóng góp nuôi con. Theo quy định pháp luật, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con chưa thành niên. Xét thấy cả hai cháu D và cháu M hiện đang sinh sống ổn định với mẹ, anh T2 hiện đang phải chấp hành án trong một thời gian dài, cũng đồng ý để chị T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giao hai cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 14/10/2003 và Nguyễn Chi M, sinh ngày 27/11/2009 cho chị Lê Cao Thu T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Cao Thu T1 không yêu cầu anh Nguyễn Đăng T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, công nợ chung:* Không có nên Tòa án không xem xét.

- *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.
Vì các lý do trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; 35; 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị **Lê Cao Thu T1** đối với anh **Nguyễn Đăng T2**.

2. Chị **Lê Cao Thu T1** được ly hôn với anh **Nguyễn Đăng T2**.

3. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đăng D, sinh ngày 14/10/2003 và Nguyễn Chi M, sinh ngày 27/11/2009. Giao cả hai cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 14/10/2003 và Nguyễn Chi M, sinh ngày 27/11/2009 cho chị Lê Cao Thu T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Đăng T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Cao Thu T1 không yêu cầu anh Nguyễn Đăng T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đăng T2 kể từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi có sự thay đổi khác.

5. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, công nợ chung: Không có.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Cao Thu T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002323 ngày 22/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Văn Thắng